TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2024/DS-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ;

2. Ông Danh Cư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 (địa chỉ: Số A đường L, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 209/2024/TLST-DS ngày 21/5/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S, địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T, sinh năm 1971, địa chỉ: Số H đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2022 và ngày 27/12/2023. (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Tạ Chiếu B, sinh năm 1983
Địa chỉ: Số D đường P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/01/2024, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có người đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T trình bày như sau:

Ngày 09/01/2013, ông Tạ Chiếu B có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) cấp thẻ Visa số 472074 - 9277, cụ thể như sau:

- Hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng);

- Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân;

- Lãi suất trong hạn là 2,15% tháng; lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại; hiện tại lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng;

- Phí gồm có: Phí trễ hạn; Phí vượt hạn mức; Phí hàng năm (phí thường niên); Phí rút tiền mặt…;

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông B phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 209.039.740đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 11/12/2019, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 222.093.096đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước

- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ

- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Tính đến ngày 11/12/2019, số tiền mà ông B đã giao dịch, đã thanh toán và các khoản nợ phí, nợ lãi như sau:

- Tổng tiền lãi trong hạn: 25.606.756đồng;

- Phí trễ hạn: 2.521.950đồng;

- Phí vượt hạn mức: 750.000đồng;

- Phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt,…): 2.383.000đồng;

- Tổng số tiền đã giao dịch: 209.039.740đồng;

- Tổng số tiền đã thanh toán: 222.093.096đồng.

Như vậy, dư nợ của ông B đến ngày 11/12/2019 = 209.039.740đồng – (222.093.096đồng – 25.606.756 đồng – 2.521.950 đồng – 750.000 đồng – 2.383.000 đồng) = 18.208.350đồng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên từ ngày 11/12/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 18.208.350đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 23/9/2024, ông B còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc là 18.208.350đồng;

- Nợ lãi quá hạn = Nợ gốc là 18.208.350đồng x lãi suất quá hạn là 150% x lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng/30 ngày x 1.749 ngày (từ ngày 11/12/2019 đến ngày 23/9/2024) = 41.400.579đồng.

Tổng cộng là 59.608.929đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Tạ Chiếu B phải trả ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/01/2013 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tổng cộng là 59.608.929đồng trong đó nợ gốc là 18.208.350đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2024 là 41.400.579đồng.

- Buộc ông Tạ Chiếu B tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/01/2013 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Bị đơn là ông Tạ Chiếu B được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là ông Tạ Chiếu B được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng yêu cầu bị đơn là ông Tạ Chiếu B, địa chỉ: Số D đường P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, phải trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày

09/01/2013 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 23/9/2024 tổng cộng là 59.608.929đồng trong đó nợ gốc là 18.208.350đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2024 là 41.400.579đồng, ông B phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 24/9/2024 đến khi thanh toán hết nợ.

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/01/2013, ông B ghi nơi ở hiện tại địa chỉ: Số D đường P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông B có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số D đường P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, đã không thực tế cư trú tại địa chỉ này từ năm 2022 đến nay, đi đâu không rõ, đồng thời ông B không cư trú tại địa chỉ: Số D đường P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/01/2013, ông B còn ghi có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số A đường B, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh của Công an P1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Tạ Chiếu B, sinh năm 1983, đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và thực tế cư trú. Như vậy, xét thấy ông B có nơi cư trú tại địa chỉ: Số D đường P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những lẽ trên, xét đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Gia T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Tạ Chiếu B được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ngày 09/01/2013, Ngân hàng và ông Tạ Chiếu B đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S với hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,15% tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong áp dụng hiện tại là 2,6%/tháng, phí gồm có: Phí trễ hạn; Phí vượt hạn mức; Phí thường niên; Phí rút tiền mặt... Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 209.039.740đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 11/12/2019, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 222.093.096đồng. Tuy nhiên, từ ngày 11/12/2019 cho đến nay, ông B không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/01/2013, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S và Bảng tóm tắt sao kê ngày 23/9/2024 của Ngân hàng, ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/12/2019 và tính đến ngày 23/9/2024, ông B còn nợ Ngân hàng tổng

cộng là 59.608.929đồng trong đó nợ gốc là 18.208.350đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2024 là 41.400.579đồng.

Xét thấy tiền lãi vay, lãi suất và các tiền phí được Ngân hàng xác định đúng theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/01/2013 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Việc ông B đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân nhưng không thanh toán đầy đủ nợ gốc và các khoản phí, tiền lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B phải thanh toán một lần cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng là 59.608.929đồng trong đó nợ gốc là 18.208.350đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2024 là 41.400.579đồng đồng thời phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày ngày 09/01/2013 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 290, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bị đơn là ông Tạ Chiếu B đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, ông B đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Tạ Chiếu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 290, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S:

Ông Tạ Chiếu B có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/01/2013 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S tổng cộng là 59.608.929đồng (năm mươi chín triệu sáu trăm lẻ tám ngàn chín trăm hai mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là 18.208.350đồng (mười tám triệu hai trăm lẻ tám ngàn ba trăm năm mươi đồng) và nợ lãi quá hạn là 41.400.579đồng.

Kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Tạ Chiếu B phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên dư nợ gốc tương ứng theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 09/01/204 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tạ Chiếu B phải chịu 2.980.446đồng (hai triệu chín trăm tám mươi ngàn bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

Ngân hàng TMCP S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.326.302đồng (một triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm lẻ hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0028135 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP S và ông Tạ Chiếu B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Yến